

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG**  
**THÔN MIỀN NÚI TẠI XÃ PHÚ SƠN - HUYỆN BA VÌ - TỈNH HÀ TÂY**

Thực hiện quyết định số 2140 - QĐ/BKHCNMT, ngày 5/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (KHHCNMT) về việc phê duyệt dự án thuộc chương trình nông thôn và miền núi của tỉnh Hà Tây. Hợp đồng số 18/1998 - HĐ/DANTMN ngày 12/12/1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Hà Tây, về việc thực hiện dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã Phú Sơn - huyện Ba Vì - tỉnh Hà Tây (thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi). Sở KHHCNMT đã tổ chức chỉ đạo thực hiện các nội dung của dự án, đến nay các mục tiêu đề ra của dự án đã được hoàn thành, Sở KHHCNMT báo cáo Bộ KHHCNMT và UBND tỉnh, các kết quả đã đạt được sau 2 năm thực hiện dự án cụ thể như sau:

**I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA TỈNH HÀ TÂY**

(Số liệu điều tra năm 1998)

Hà Tây là một tỉnh thuộc khu vực phía Bắc đồng bằng Bắc Bộ, có tổng diện tích tự nhiên 219.296 ha, nằm trong hệ tọa độ từ 20°35' đến 21°19' vĩ độ bắc và 105°18' đến 106° kinh đông.

Tỉnh Hà Tây có 12 huyện và 2 thị xã, phía Bắc giáp tỉnh Phú Thọ, phía Nam giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp thành phố Hà Nội và phía Tây giáp tỉnh Hoà Bình.

Hà Tây có 19.596 ha rừng và đồi gò bán sơn địa phân bố thuộc 6 huyện thị xã là huyện Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức và thị xã Sơn Tây.

Hà Tây được bao bọc 3 phía bởi 2 con sông lớn là sông Đà và sông Hồng, là vùng chuyển tiếp giữa miền núi Cao Tây Bắc và miền đồng bằng Bắc Bộ, vì vậy địa hình thoải dần từ Tây sang Đông. Cao nhất là đỉnh Vua 1296m thuộc huyện Ba Vì và thấp nhất là vùng đồng chiêm trũng thuộc huyện Ứng Hoà, Phú Xuyên.

Theo số liệu điều tra dân số tháng 4/1999, dân số tỉnh Hà Tây là 2.386.770 người, trong đó dân số nông thôn 2.177.886 người, chiếm 91,12%, dân số đô thị 208.884 người chiếm 8,88%. Mật độ dân số bình quân là 1.073 người/km<sup>2</sup>, cao gấp 5,1 lần mật độ dân số bình quân cả nước. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm 1,6%. Cộng đồng dân cư gồm 4 dân tộc là kinh, tày, Mường, dao trong đó người kinh chiếm 99%, dân tộc dao, tày, Mường chiếm 1% sinh sống chủ yếu ở các xã vùng núi Ba Vì, Quốc Oai và Mỹ Đức. Lực lượng lao động của tỉnh khá dồi dào với 1.167.139 người chiếm 49,6% dân số, trong đó gần 80% là lao động nông nghiệp.

Năm 1998 giá trị tổng sản phẩm của tỉnh (GDP) đạt 5569,8 tỷ đồng trong đó ngành nông lâm nghiệp 2.278,6 tỷ đồng chiếm 40,91%; Công nghiệp và xây dựng 1618,6 tỷ đồng chiếm 29,06%; Dịch vụ 1.672,6 tỷ đồng chiếm 30,03%. Như vậy ngành nông lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất. Tuy nhiên với 91,12% dân số ở nông thôn giá trị sản phẩm chỉ chiếm 40,91% giá trị tổng sản phẩm xã hội do vậy đời sống của người dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là dân ở các vùng núi và đồi gò bán sơn địa.

Sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh đạt 919.463 tấn trong đó sản lượng thóc là 823.972 tấn (89,6%). Bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 400 kg/năm.

## **II. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SẢN XUẤT**

Trước khi thực hiện dự án của xã Phú Sơn – huyện Ba Vì  
(Số liệu điều tra năm 1998)

### **1. Đặc điểm chung.**

Phú Sơn là một xã vùng đồi gò bán sơn địa thuộc huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây, là một địa phương còn nghèo và có nhiều khó khăn với tổng diện tích đất tự nhiên là 1.368 ha, diện tích đất nông nghiệp chỉ có 563 ha, chiếm 41% diện tích tự nhiên. Tổng số nhân khẩu là 7150 người với 2900 lao động trong độ tuổi chiếm 41% dân số. Bình quân lương thực tính theo đầu người chỉ có 277 kg/năm (thấp hơn bình quân của toàn tỉnh là 123 kg), giá trị thu nhập bình

quân đầu người là 1,36 triệu đồng/năm (Bình quân đầu người toàn tỉnh là 2,421 triệu đồng/năm). Toàn xã vẫn còn 137 hộ đói nghèo (21 hộ đói, 116 hộ nghèo) chiếm 19,2% tổng số hộ cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

## **2. Tình hình sản xuất**

### ***a. Bố trí sử dụng đất đai***

Tổng diện tích tự nhiên : 1368,38 ha

Trong đó:

- Đất nông nghiệp : 563,17 ha
- Đất lâm nghiệp : 229,35 ha
- Đất chuyên dùng : 265,05 ha
- Đất thổ cư : 62,36 ha
- Đất chưa sử dụng : 248,45 ha

### ***b. Bố trí sử dụng đất nông nghiệp.***

Tổng diện tích đất nông nghiệp : 563,17 ha

Trong đó:

- Đất 2 vụ lúa : 85,92 ha
- Đất 1 vụ lúa, 1 vụ màu : 100,17 ha
- Đất 1 vụ lúa mùa : 97,01 ha
- Đất 1 vụ lúa chiêm : 18,27 ha
- Đất chuyên màu : 13,61 ha
- Đất vườn tạp : 149,04 ha
- Ao hồ thả cá : 16,15 ha
- Đất trồng cây ăn quả lâu năm : 83,00 ha

### ***c. Năng suất, sản lượng một số cây trồng chính.***

- Cây lúa:

Lúa xuân: Năng suất bình quân đạt 38 tạ/ha

Lúa mùa: Năng suất bình quân đạt 38 tạ/ha

Sản lượng bình quân năm đạt 1800 tấn

- Cây lạc:

Năng suất bình quân đạt 13 tạ/ha

Sản lượng đạt 210 tấn/năm

- Cây đậu tương:

Năng suất đậu tương Đồng bình quân đạt 11 tạ/ha

Sản lượng đạt 100 tấn/năm

#### ***d. Tình hình chăn nuôi***

- Đàn trâu : 450 con
  - Đàn bò : 650 con
  - Đàn lợn: Tổng đàn lợn có 2800 con, hàng năm cung cấp cho thị trường 115 tấn thịt lợn hơi.
  - Đàn gà: Tổng đàn gà có 15.000 con
  - Nuôi thả cá: Diện tích nuôi thả cá 24 ha.
- Năng suất đạt 15 tạ/ha, sản lượng 35 tấn

### **3. Đánh giá chung**

Phú Sơn là một xã mang tính điển hình của các xã vùng đồi gò bán sơn địa của huyện Ba Vì nói riêng và tỉnh Hà Tây nói chung, tính điển hình đó là:

- Tiềm năng đất đai (chủ yếu là đất đồi gò) và lao động còn rất lớn đến nay vẫn chưa được khai thác, sử dụng hết.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém.
- Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí chưa cao, các tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất còn hạn chế, chưa được phổ biến và ứng dụng rộng rãi ở địa phương.
- Năng suất, sản lượng các loại vật nuôi, cây trồng thấp.

### **III. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.**

Để phát huy thế mạnh và từng bước khắc phục những hạn chế của địa phương. Dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội xã Phú Sơn – huyện Ba Vì thực hiện, nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu sau.

1. Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, để nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng các loại cây rừng, vật nuôi phát triển cây ăn quả lâu năm trên vùng đất đồi gò bán sơn địa, vừa đạt hiệu quả kinh tế cao, vừa có tác dụng phòng hộ môi trường sinh thái và tạo cảnh quan đẹp của vùng.

1. Các mục tiêu về năng suất cây trồng, vật nuôi của dự án đề ra là:

- Năng suất lúa tăng từ 38 tạ/ha lên 55 tạ/ha (tăng 32%)
- Năng suất lạc tăng từ 13 tạ/ha lên 20 tạ/ha (tăng 65%)
- Năng suất đậu tương tăng từ 11 tạ/ha lên 14 tạ/ha (tăng 13%)

- Diện tích trồng mới cây ăn quả của dự án là 50 ha
- Phát triển chăn nuôi gà thả vườn bằng các giống tiến bộ kỹ thuật có năng suất, chất lượng cao.

2. Từ mô hình trình diễn, sẽ là cơ sở thực tế để đề xuất các cấp lãnh đạo có biện pháp đồng bộ mở rộng ra địa bàn xung quanh.

3. Từng bước nâng cao trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cơ sở và người nông dân.

4. Tăng thu nhập, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần tích cực vào việc xoá đói giảm nghèo của địa phương.

#### IV. VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO.

Để đạt được các mục tiêu của dự án, trong công tác tổ chức chỉ đạo đã thực hiện các biện pháp sau:

1. Thành lập ban điều hành dự án, thành phần gồm có Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính Vật giá, Trung tâm khuyến nông tỉnh và UBND huyện Ba Vì, do đồng chí Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường làm Trưởng ban.

Ban điều hành dự án đã ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên ban điều hành dự án.

2. Công tác chuyển giao khoa học công nghệ đều có sự phối hợp chặt chẽ và phân công phận nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị tham gia chỉ đạo thực hiện, cụ thể là:

Những loài cây trồng, vật nuôi Sở nông nghiệp và PTNT và Trung tâm khuyến nông tỉnh đã được tiếp thu trực tiếp của các cơ quan nghiên cứu khoa học như Viện chăn nuôi v.v... (cây lúa, cây nhãn, gà thả vườn) thì do các cơ quan chuyên môn của tỉnh tổ chức chỉ đạo và chuyển giao công nghệ. Còn đối với cây lạc, cây đậu tương Ban điều hành dự án mời các Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Viện di truyền giống phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh chỉ đạo và chuyển giao khoa học công nghệ xuống địa phương.

3. Ở địa phương Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì đã giao nhiệm vụ cho các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch UBND xã, Chủ nhiệm HTX nông nghiệp, các thôn trưởng, xóm trưởng, phải trực tiếp tham gia chỉ đạo việc thực hiện các mục tiêu, nội dung dự án tới từng hộ gia đình xã viên.

4. Ban điều hành dự án phối hợp với UBND huyện Ba Vì đã tổ chức các cuộc họp với các cán bộ chủ chốt của xã (Chủ tịch, Phó chủ tịch, Bí thư, Phó

bí thư Đảng uỷ xã, các Bí thư Chi bộ, thôn trưởng, xóm trưởng, đội trưởng sản xuất) để quán triệt mục đích, ý nghĩa lợi ích, trách nhiệm và các biện pháp cụ thể chỉ đạo thực hiện dự án, để từ đó các cán bộ của địa phương triển khai đến từng thành viên tham gia dự án.

5. Để bảo đảm công bằng giữa các hộ nông dân trong xã, địa phương đã tổ chức các cuộc họp ở các thôn, xóm để người dân tự bình xét những hộ được tham gia dự án, các hộ được tham gia dự án đều phải có bản cam kết thực hiện tốt các mục tiêu và nội dung của dự án.

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

Để đạt được các mục tiêu của dự án đã nêu trên, Ban điều hành dự án cùng lãnh đạo địa phương chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng mô hình thâm canh cây lúa nước trên quy mô diện tích là 100 ha, với việc đưa giống Q5 nguyên chủng vào sản xuất và áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh để đưa năng suất lúa lên 55 tạ/ha.

- Xây dựng mô hình thâm canh cây lạc, trên quy mô diện tích 25 ha với việc đưa các giống lạc MD7 và LD2 là những giống mới được nhập nội từ Trung Quốc, có tiềm năng năng suất cao vào sản xuất và áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh phù hợp với giống mới để tăng năng suất và sản lượng lạc ở địa phương.

- Xây dựng mô hình thâm canh cây đậu tương Đông trên quy mô diện tích 25 ha, đưa giống đậu tương ĐT84 của Viện di truyền giống vào sản xuất và áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh mới như biện pháp làm đất tối thiểu và không làm đất, bón thúc đạm URê cho chày đậu thời kỳ đầu và bón cân đối NPK.

- Xây dựng mô hình vườn đôi trồng cây ăn quả, trên quy mô diện tích 50ha bằng giống nhãn lồng ghép.

- Xây dựng mô hình gà thả vườn, với quy mô đàn là 3100 con với giống gà hoa Lương Phượng.

Sau 2 năm thực hiện (1999 – 2000) kết quả đã đạt được là:

### **1. Công tác chuyển giao khoa học công nghệ**

#### **a. Tập huấn kỹ thuật**

Để bảo đảm cho các hộ gia đình tham gia dự án nắm vững và biết vận dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi vào thực tế sản xuất, công tác tập huấn kỹ thuật đã được ban điều hành dự án chỉ đạo chặt chẽ

từ khâu biên soạn giáo trình tập huấn, quy trình kỹ thuật thâm canh, đến tổ chức các lớp tập huấn. Đặc biệt ban điều hành dự án đã tập trung các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm khuyến nông tỉnh, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam v.v... để thực hiện nhiệm vụ tập huấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho các hộ nông dân tham gia dự án, kết quả đạt được cụ thể là:

- Biên soạn 5 bộ giáo trình tập huấn kỹ thuật thâm canh: cây lúa, cây lạc, cây đậu tương, cây nhãn và nuôi gà thả vườn.

- Quy trình kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi đã được in đủ để cấp tới từng hộ tham gia dự án. Tổng số quy trình kỹ thuật đã in và cấp phát là 4.900 bản, trong đó quy trình thâm canh cây lúa nước là: 1.500 bản, cây lạc 1000 bản, cây đậu tương Đông 700 bản, trồng cây nhãn ghép 1500 bản và nuôi gà thả vườn 200 bản.

- Tổng số lượt người tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật là 4521 người, trong đó tập huấn về thâm canh cây lúa nước là 1478 người/1478 hộ tham gia dự án; Cây lạc là 912 người/912 hộ; Cây đậu tương: 502 người/679 hộ; Cây nhãn 1461 người/1396 hộ; Nuôi gà thả vườn: 168 người/155 hộ tham gia dự án.

Cuối mỗi buổi lên lớp tập huấn kỹ thuật đều dành thời gian để học viên trao đổi kinh nghiệm và giảng viên giải đáp thắc mắc. Vì vậy sau khi được tập huấn, học viên đã nắm chắc và cơ bản các khâu kỹ thuật của quy trình và biết vận dụng vào thực tế sản xuất ở địa phương.

### ***b. Công tác chỉ đạo ứng dụng kỹ thuật thâm canh vào sản xuất cây lúa nước.***

Với đặc điểm xây dựng mô hình làm cơ sở thuyết phục thực tế cũng như thông qua đó người nông dân nắm được các tiến bộ kỹ thuật cơ bản một cách nhan nhất. Trong chương trình cây lúa Ban chỉ đạo đã lựa chọn các khâu các điểm then chốt nhất đó là: Thay đổi giống mới, thay đổi tập quán thời vụ, áp dụng cây, mạ non, bón phân cân đối. Đây là những khâu rất then chốt, nhạy cảm, từ đó làm bật dậy tiềm năng năng suất.

Sau tập huấn kỹ thuật, dự án đã chuyển giao giống lúa Q5 nguyên chủng cho xã trước thời vụ gieo mạ hơn một tháng và được tiến hành kiểm tra tỷ lệ nảy mầm, kết quả giống đạt tỷ lệ nảy mầm 99%. Sau đó giống được bảo

quản trong kho và chỉ cấp phát cho các hộ trước thời vụ ngâm ủ mạ từ 1 - 2 ngày. Tổ chuyên viên kỹ thuật của tỉnh phối hợp với huyện, xã đã trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cách ngâm ủ, gieo mạ, chăm sóc mạ, đặc biệt trong đợt gieo mạ đã có 3 đợt rét đậm, nhiệt độ  $13^{\circ}\text{C}$  liên tục nhiều ngày, nhưng do được hướng dẫn biện pháp che ni lon chống rét cho 100% diện tích mạ gieo (10 ha) nên mạ đã không bị chết rét, bảo đảm đủ mạ non (3,5 - 4 lá), thực hiện biện pháp cấy mạ sục cho toàn bộ diện tích 100 ha lúa của dự án.

Về thời vụ gieo mạ được chỉ đạo thực hiện từ 15 - 20/1/2000.

Về thời vụ cấy lúa được cấy từ 5/2 và kết thúc gọn vào ngày 15/2/2000

Lúa cấy bảo đảm 50 - 55 khóm/m<sup>2</sup> và 2-3 dảnh/khóm.

Lượng phân bón cho 1 sào Bắc bộ:

Phân chuồng: 350 kg

Đạm U Rê : 7 kg

Lân : 15 kg

Kali : 6 kg

Vật tư kỹ thuật dự án hỗ trợ cho nông dân là:

Thóc giống Q5 nguyên chủng : 8400 kg

Nilon che chống rét cho mạ : 2169,3 kg

Ka li hỗ trợ bình quân 4 kg/sào : 11.200 kg

Người nông dân tự đầu tư thêm đạm URê: 7kg/sào, lân 15kg/sào, Kali: 2kg/sào.

Các loại phân bón được bón kịp thời theo đúng quy trình kỹ thuật.

Trong thời gian từ khi cấy đến lúc lúa cho thu hoạch, đã tổ chức 8 đợt kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy trình kỹ thuật vào các thời điểm then chốt như khi cấy. Thời kỳ làm cỏ, bón phân, kiểm tra sâu bệnh v.v... Đồng thời kiểm tra lượng đầu tư đối ứng của các hộ tham gia dự án, vì vậy quy trình kỹ thuật đã được thực hiện rất nghiêm túc, bảo đảm cho cây lúa sinh trưởng, phát triển hơn hẳn các vụ lúa trước, lúa sạch sâu bệnh và cho năng suất cao.

- Cây lạc:

Mô hình cây lạc Xuân được dựng trên quy mô diện tích 25 ha ở các chận ruộng cao. Chủ động tưới, tiêu với các giống sử dụng là MD7 và LD2. Đây là 2 giống lạc mới được nhập nội từ Trung Quốc (nguồn cung cấp giống là Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam) có tiềm năng năng suất cao từ 25 - 35 tạ/ha (90 - 120 kg/sào Bắc bộ), chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh héo xanh là loại bệnh khá phổ biến khi trồng lạc ở các vùng đồi gò.

Trước khi gieo trồng, các chuyên gia của Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam cùng với cán bộ kỹ thuật của tỉnh và địa phương đã kiểm tra tỉ lệ nảy mầm, kết quả tỉ lệ nảy mầm của lạc đạt từ 95 – 99%.

Thời vụ gieo trồng lạc đã được chỉ đạo gieo tập trung từ 10 – 20/2/2000 trước khi gieo đã hướng dẫn nông dân tưới ẩm đất, nên tỉ lệ nảy mầm và cây sống rất cao, bảo đảm đủ mật độ quy định.

Lượng phân bón cho một đầu sào Bắc bộ: Phân hữu cơ 250 – 300kg, phân lân 20kg; vôi 20kg – 30kg, Ka li 3kg (toàn bộ lượng phân bón do dân tự đầu tư)

Dự án đã hỗ trợ cho nông dân 4200kg lạc giống, trong đó: Giống lạc MD7: 2400kg để trồng 13ha và giống LD2: 2100 kg để trồng 12ha.

Trong suốt thời gian từ khi gieo trồng đến thu hoạch, tổ chỉ đạo cùng với chuyên gia của Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam đã tổ chức 6 đợt kiểm tra từ khâu gieo trồng, đến các khâu chăm sóc, bón phân, thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh và so sánh các giống lạc của địa phương, gieo trồng cùng thời vụ.

Qua theo dõi cho thấy giống MD7 và LD2 có thời gian sinh trưởng từ 125 – 130 ngày, cây sinh trưởng, phát triển hơn hẳn giống lạc của địa phương, đặc biệt giống lạc MD7 cây xanh bền đến tận lúc thu hoạch (Lạc 90% quả già, chắc hạt) và hầu như không bị bệnh héo xanh. Năng suất của giống lạc MD7 và LD2 cao hơn hẳn giống lạc của địa phương.

#### 1 Cây đậu tương Đông:

Mô hình cây đậu tương Đông được xây dựng trên quy mô diện tích 25ha bằng giống DT84 của Viện Di truyền giống, là giống có tiềm năng năng suất cao và kháng bệnh chết cổ.

Giống đậu tương DT84 do Viện Di truyền giống cung cấp, có tỉ lệ nảy mầm đạt trên 95%.

Thời vụ gieo trồng đậu tương Đông được gieo trồng gọn từ ngày 20/9 – 30/9/1999.

Lượng phân bón cho 1 sào Bắc bộ: Phân chuồng 250kg, Lân 15kg, Ka li 3kg, phân được bón lót và bón tập trung ở giai đoạn đầu, 50% lượng Ka li được bón trước lúc đậu tương ra hoa.

Dự án đã hỗ trợ cho nông dân 1500kg giống, các vật tư kỹ thuật khác, nông dân tự đầu tư.

Vụ đậu tương đông 1999, thời tiết bất thuận, thời kỳ đầu có 4 – 5 lá thật đã gặp mưa to nhiều lần, gây ngập úng cục bộ ở một số diện tích, nhưng do được chỉ đạo chủ động phòng chống, nên đã hạn chế được mức độ thiệt hại. Cây đậu tương DT84 sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh, năng suất cao hơn hẳn so với đậu tương giống cũ của địa phương.

- Mô hình trồng cây ăn quả lâu năm (50ha):

Một trong những tiềm năng để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm ở xã Phú Sơn và qua đây làm cơ sở nhân rộng ra các xã khác trong huyện Ba Vì, đó là trồng cây ăn quả lâu năm. Với đặc điểm có nhiều diện tích đất gò đồi, điều kiện thâm canh đặc biệt là nước tưới hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn nước trời. Vì vậy việc chọn cây gì để đưa vào trồng, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sinh thái vùng đồi gò, sản phẩm dễ tiêu thụ, đòi hỏi phải cân nhắc, tính toán cho phù hợp. Từ thực tiễn đó dự án đã chọn cây nhãn là một loại cây có đặc điểm thích hợp: Sinh trưởng phát triển tốt, có khả năng chịu hạn, tuổi thọ rất cao, vừa có ý nghĩa về phòng hộ môi trường, vừa có hiệu quả kinh tế, sản phẩm dễ tiêu thụ do vừa bán quả tươi, làm long nhãn, chế biến đồ hộp.

Năm 1994 – 1995, thông qua cuộc tổng điều tra về cây nhãn, tỉnh Hà Tây đã chọn ra được những giống nhãn lồng tốt nhất tại xã Đốc Tín (Mỹ Đức) và xã Đan Phượng (huyện Đan Phượng), đây là giống nhãn quý quả to, cùi dày đậm và ngọt, thích nghi với điều kiện sinh thái ở Hà Tây do quá trình chọn lọc tự nhiên.

Năm 1996 Ngành nông nghiệp ở tỉnh Hà Tây đã tiếp thu công nghệ nhân giống tiên tiến của chuyên gia Trung Quốc về kỹ thuật ghép đoạn cành và hoàn toàn nắm bắt kỹ thuật công nghệ ghép đạt tỷ lệ 90 ÷ 95%. Từ những tiền đề hết sức chủ động và thuận lợi đó, việc phát triển 50ha mô hình cây ăn quả của dự án bằng cây nhãn ghép sẽ rất thuận lợi cho việc định hướng mở rộng cây ăn quả trong vùng, khai thác tiềm năng còn rất lớn ở vùng đồi gò của huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Do đặc điểm địa hình cao, đất nghèo độ phì và thường bị hạn nặng vào mùa khô. Vì vậy việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh được đặc biệt chú ý, trong đó các biện pháp chính là:

- Đào hố: Hố được đào to có kích thước 1m x 1m, như vậy tạo điều kiện để cây phát triển nhanh ngay từ đầu, đây còn là biện pháp chống hạn rất tốt.

Vì khi đào hố sâu to kết hợp với bón phân chuồng trộn đất, đã tạo ra một lớp tơi xốp giúp cho sự phát triển rất nhanh của rễ cây, từ đó sẽ làm tăng khả năng hút nước, dinh dưỡng cho cây, đây thực chất cũng là giải pháp chống hạn rất hiệu quả cho vùng đồi gò.

- Chọn cây khỏe: Cây đem trồng được tuyển chọn rất cẩn thận, đảm bảo chất lượng cao: Bầu cây giống to, đường kính 12 – 14cm, cao 20 – 22cm, trọng lượng bầu đất 2,5 – 3kg, cây ghép phải có tuổi từ 6 – 8 tháng đủ độ cao 35 – 40 cm.

- Chọn thời vụ trồng: Thời vụ tốt nhất từ cuối tháng 9 đầu tháng 10. Là thời kỳ vẫn còn có mưa cuối vụ, đủ độ ẩm nhưng không đến mức quá nhiệt độ và cường độ ánh sáng không quá mạnh và cây có điều kiện sinh trưởng từ 2 – 3 tháng, sau đó bước vào thời kỳ qua đông, để vụ xuân phát triển mạnh.

Chính vì có sự lựa chọn cẩn thận, chỉ đạo tập chung nên tỷ lệ cây sống đạt 98% (Trừ 2% do tác động cơ giới và chuột phá hoại).

- Mật độ trồng: 400 cây/ha, hố trồng cây có kích thước 1 m x 1 m x 1m. Tất cả các hố trồng đều được bón lót bằng phân chuồng, chôn vôi lân, vôi và đất phủ xa sông Đà hoặc bùn ao, rơm rác đã ủ hoại mục, việc chăm sóc sau trồng như sới sạ, làm cỏ, tưới ẩm, bón phân thúc cũng được thực hiện đầy đủ và thường xuyên.

- Các biện pháp kỹ thuật của quy trình được tổ chức thực hiện chỉ đạo nghiêm ngặt từ khâu đào hố, bón phân, trồng cây và chăm sóc, sau mỗi khâu kỹ thuật được thực hiện, tổ chỉ đạo dự án đều phối hợp với địa phương kiểm tra, hướng dẫn hỗ trợ ngay tại vườn, vì vậy hầu hết các hộ đã thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đến nay cây sinh trưởng tốt, tỷ lệ cây sống đạt 98%. Vụ nhân năm 2000 đã có một số cây đã cho quả bói.

Dự án đã cấp cho các hộ tham gia dự án 20000 cây giống, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Các vật tư kỹ thuật khác hộ nông dân tự đầu tư theo quy trình kỹ thuật.

- Nuôi gà thả vườn.

Mô hình nuôi gà thả vườn được thực hiện với quy mô đàn là 3.100 con, với giống gà Lương Phượng hoa, trọng lượng ban đầu của gà con khi cấp cho các hộ nông dân tham gia dự án là 200 – 250 gam/con, tỷ lệ sống đạt 98%.

Để đảm bảo cho đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, trong thời kỳ gà con dự án đã cấp cho các hộ nuôi gà 7750 kg cám gà con cò và hướng dẫn cho các hộ tập cho đàn gà thích nghi dần với môi trường sống tự nhiên trong vườn.

Công tác phòng dịch bệnh cho gà cũng được quan tâm và hướng dẫn cụ thể. Dự án đã tiến hành tiêm phòng bệnh cho đàn gà 2 lần, vì vậy đã không để xảy ra dịch bệnh. Sau 3 tháng nuôi trọng lượng bình quân đã đạt được 2,5 đến 2,8kg/con.

## **2. Năng suất các loại cây trồng, vật nuôi:**

Các biện pháp kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi, các giống cây, con và vật tư kỹ thuật cần thiết, đã được chuyển giao trực tiếp tới từng hộ nông dân tham gia dự án đúng lúc, kịp thời vụ, cùng với sự chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể, sâu sát của Ban điều hành dự án và các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của địa phương, được sự nhiệt tình tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tế sản xuất của các hộ tham gia dự án, đến nay toàn bộ các mục tiêu của dự án đã được thực hiện, năng suất các loại cây trồng, vật nuôi đều tăng so với các năm trước khi thực hiện dự án. Năng suất các loại cây trồng đạt được cụ thể như sau.

### ***a. Cây lúa Xuân.***

#### **NĂNG SUẤT LÚA VỤ XUÂN NĂM 2000 CỦA CÁC THÔN, XÓM XÃ PHÚ SƠN — HUYỆN BẠ VÌ**

| Số TT | Tên thôn, xóm | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) |
|-------|---------------|----------------|-------------------|-----------------|
| 1     | Thôn Cao Lĩnh | 9,0            | 56                | 50,4            |
| 2     | Xóm Đông      | 11,0           | 57                | 62,7            |
| 3     | Xóm Hữu       | 10,0           | 58                | 58,0            |
| 4     | Xóm Thượng    | 11,0           | 59                | 64,9            |
| 5     | Xóm Tả        | 11,0           | 59                | 64,9            |
| 6     | Thôn Nương Tu | 10,0           | 59                | 59,0            |
| 7     | Phố Nhông     | 1,0            | 57                | 5,7             |
| 8     | Thôn Quy Mông | 10,0           | 56                | 56,0            |
| 9     | Thôn Yên Kỳ   | 10,0           | 56                | 56,0            |
| 10    | Thôn Phú Mỹ A | 7,5            | 52                | 39,0            |
| 11    | Thôn Phú Mỹ B | 8,5            | 54                | 45,9            |
| 12    | Xóm gò Ong    | 1,0            | 48                | 4,8             |
|       | <b>Cộng</b>   | <b>100,0</b>   | <b>56,7</b>       | <b>567,0</b>    |

**b. Cây lạc Xuân.**

Năng suất lạc vụ Xuân năm 2000 đạt bình quân 30 tạ/ha, trên diện tích thực hiện dự án là 25ha, trong đó trồng bằng giống LD2 là 12ha, trồng bằng giống MD7 là 13ha, qua theo dõi cho thấy 2 giống lạc này trong cùng điều kiện thâm canh trên đồng đất xã Phú Sơn đã cho năng suất tương đương nhau. sự chênh lệch là không đáng kể.

**NĂNG SUẤT SẢN LƯỢNG LẠC VỤ XUÂN NĂM 2000  
CỦA CÁC THÔN XÓM — XÃ PHÚ SƠN, HUYỆN BA VÌ.**

| Số TT | Thôn, xóm     | Giống sử dụng | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) |
|-------|---------------|---------------|----------------|-------------------|-----------------|
| 1     | Xóm Đông      | MD7           | 3,0            | 31                | 9,3             |
| 2     | Xóm Hữu       | MD7           | 2,5            | 28                | 7,0             |
| 3     | Xóm Thượng    | MD7           | 2,5            | 30                | 7,5             |
| 4     | Xóm Tả        | MD7           | 2,5            | 31                | 7,75            |
| 5     | Phố Nhông     | MD7           | 0,5            | 29                | 1,45            |
| 6     | Thôn Yên Kỳ   | MD7           | 2,0            | 31                | 6,20            |
| 7     | Thôn Cao Lĩnh | LD2           | 3,0            | 30                | 9,0             |
| 8     | Thôn Nương Tu | LD2           | 2,0            | 30                | 6,0             |
| 9     | Thôn Quy Mộng | LD2           | 2,0            | 31                | 6,2             |
| 10    | Thôn Phú Mỹ A | LD2           | 2,0            | 32                | 6,4             |
| 11    | Thôn Phú Mỹ B | LD2           | 2,5            | 28                | 7,0             |
| 12    | Xóm gò Ong    | LD2           | 0,5            | 26                | 1,3             |
|       | <b>Cộng</b>   |               | <b>25,0</b>    | <b>30</b>         | <b>75,1</b>     |

**c. Cây đậu tương Đông.**

Mặc dù gặp điều kiện thời tiết khó khăn như đã nêu ở trên, nhưng năng suất đậu tương vụ Đông vẫn đạt 11,5 tạ/ha.

**NĂNG SUẤT SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG ĐÔNG 1999- 2000  
CỦA CÁC THÔN XÓM — XÃ PHÚ SON, HUYỆN BA VÌ**

| <b>Số TT</b> | <b>Tên thôn xóm</b> | <b>Diện tích (ha)</b> | <b>Năng suất (tạ/ha)</b> | <b>Sản lượng (tấn)</b> |
|--------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| 1            | Thôn Nương Tự       | 2,6                   | 11,0                     | 2,86                   |
| 2            | Thôn Cao Lĩnh       | 2,1                   | 11,0                     | 2,31                   |
| 3            | Xóm Đông            | 1,3                   | 11,0                     | 1,43                   |
| 4            | Thôn Phú Mỹ A       | 2,4                   | 11,5                     | 2,75                   |
| 5            | Xóm Thượng          | 2,6                   | 12,0                     | 3,12                   |
| 6            | Xóm Hữu             | 2,7                   | 12,0                     | 3,24                   |
| 7            | Thôn Yên Kỳ         | 2,7                   | 11,0                     | 2,97                   |
| 8            | Xóm Tả              | 3,1                   | 12,0                     | 3,72                   |
| 9            | Thôn Phú Mỹ B       | 2,3                   | 12,0                     | 2,76                   |
| 10           | Thôn Quy Mông       | 3,2                   | 11,5                     | 3,68                   |
|              | <b>Cộng</b>         | <b>25,0</b>           | <b>11,5</b>              | <b>28,85</b>           |

**d. Cây nhãn.**

Do được chỉ đạo chặt chẽ, hướng dẫn chi tiết, cụ thể ở tất cả các khâu kỹ thuật về việc tuyển chọn được cây giống tốt, nên đến nay cây nhãn sinh trưởng phát triển tốt, đã có một số cây ra hoa ngay trong mùa nhãn năm 2000. Để bảo đảm cho cây sinh trưởng và phát triển tốt và lâu dài, Ban quản lý dự án đã hướng dẫn các hộ nông dân cắt bỏ hoa, tỉa cành tạo tán để những năm sau cây phát triển tốt, có tán to khỏe đẹp và cho năng suất cao.

**e. Nuôi gà thả vườn.**

Sau khi nuôi được 5 tháng, gà Lương Phượng hoa đã bắt đầu bước vào thời kỳ sinh sản, địa phương tuyển chọn được 452 con gà mái và 46 con gà trống đủ tiêu chuẩn để làm giống, nông dân tự đổi trứng và đưa vào ấp, vì vậy đàn gà đã phát triển ở nhiều gia đình khác trong xã và đã tạo thành giống gà thả vườn của địa phương.

**SO SÁNH NĂNG SUẤT CÁC LOẠI CÂY TRỒNG VỚI MỤC TIÊU DỰ ÁN  
ĐỀ RA VÀ NĂM 1998 LÀ NĂM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*Đơn vị: Tạ/ha*

| Số TT | Tên cây trồng  | Năng suất mục tiêu dự án đề ra | N/S mô hình đạt được | % vượt so với mục tiêu dự án | Năng suất 1998 | % vượt so với 1998 |
|-------|----------------|--------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------|--------------------|
| 1     | Lúa            | 55                             | 56,7                 | 3%                           | 38             | 49%                |
| 2     | Lạc            | 20                             | 30,0                 | 50%                          | 13             | 130%               |
| 3     | Đậu tương Đông | 14                             | 11,5                 | -18%                         | 11             | 4%                 |

**3. Các mô hình đã từng bước được nhân rộng.**

Các kết quả đã đạt được của dự án đã tạo được niềm tin và phấn khởi cho người nông dân ở địa phương, vì vậy ngay ở các vụ sản xuất tiếp theo, các loại giống mới, các biện pháp kỹ thuật thâm canh tiên tiến đã được mở rộng ra diện là:

- Ngay trong vụ mùa năm 2000 giống Q5 đã được mở rộng diện tích lên 195ha, năng suất bình quân đạt 52 tạ/ha. Vụ Xuân năm 2001 cấy 96 ha, năng suất bình quân đạt 57 tạ/ha (Diện tích vụ Xuân 2001 giảm vì địa phương đưa giống mới có chất lượng cao hơn vào sản xuất). Vụ mùa 2001 diện tích cấy là 160ha, năng suất đạt 58 tạ/ha.

- Vụ Đông 2000- 2001 diện tích gieo trồng đậu tương Đông đã tăng lên 58ha, năng suất bình quân đạt 14 tạ/ha và vụ Đông 2001 – 2002 diện tích gieo trồng tăng lên 70ha, hiện nay cây sinh trưởng phát triển tốt, khả năng cho năng suất 14 – 15 tạ/ha.

- Vụ Xuân 2001 giống lạc MD7 đã được gieo trồng toàn diện tích 70ha, năng suất bình quân đạt 25 tạ/ha, dự kiến vụ Xuân 2002 sẽ đưa diện tích lạc MD7 lên 85ha. Ngoài ra địa phương đã cung cấp giống và chuyển giao kỹ thuật thâm canh lạc cho các xã Thanh Mỹ (thị xã Sơn Tây), xã Yên Sở (huyện Hoài Đức) và Trung tâm khuyến nông tỉnh Yên Bái...

- Cây nhãn ghép là cây ăn quả lâu năm, hiện nay đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản, chưa nhân được giống, dự kiến sau năm 2003 toàn bộ giống nhãn dự án đầu tư sẽ cho thu hoạch quả, địa phương sẽ tuyển chọn những cây

sinh trưởng phát triển tốt nhất, có năng suất, chất lượng quả cao nhất để nhân giống phục vụ chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở địa phương và huyện Ba Vì.

#### **4. Đánh giá kết quả đã đạt được.**

Sau 2 năm thực hiện, dự án đã đem lại kết quả to lớn, các mục tiêu đề ra đã được hoàn thành, tạo tiền đề thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong những năm tới.

- Về hiệu quả kinh tế: So với năm 1998 là năm trước khi thực hiện dự án, sản lượng thóc đã tăng thêm 187 tấn, lạc tăng thêm 42,5 tấn.

- Về mặt xã hội: Dự án đã đạt được kết quả tốt, tạo niềm tin, phấn khởi cho các hộ nông dân, vì vậy đã góp phần vào việc ổn định tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

- Dự án đã giúp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của địa phương nâng cao trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật, năng lực tổ chức, chỉ đạo đưa các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất của địa phương.

- Giúp người nông dân nắm chắc được các biện pháp kỹ thuật thâm canh một số loại cây trồng, vật nuôi, thay đổi tập quán canh tác cũ bằng tập quán canh tác mới tiến bộ như:

  - + Thay tập quán gieo mạ qua đồng bằng tập quán gieo mạ xuân muộn.

  - + Biết sử dụng biện pháp che ni lông chống rét cho mạ, cấy mạ xúc thay bằng cấy mạ nhỏ, biết bón cân đối các loại phân NPK, bón đúng lúc, kịp thời.

  - + Nông dân đã biết áp dụng biện pháp làm đất tối thiểu hoặc không làm đất đối với việc gieo trồng đậu tương Đông. Biết tưới ẩm đất trước khi gieo lạc để đảm bảo mật độ trồng lạc.

  - + Các hộ nông dân đã trực tiếp thu được một số các loại giống cây trồng có năng suất chất lượng cao đưa vào sản xuất ở địa phương.

  - Các mô hình đã từng bước được nhân rộng trên địa bàn toàn xã Phú Sơn và một số địa phương khác.

## **5. Nguyên nhân thành công và bài học kinh nghiệm.**

Sau 2 năm thực hiện, dự án đã đạt được kết quả nêu trên, nguyên nhân thành công đồng thời cũng là những bài học kinh nghiệm được rút ra là:

- Dự án đã lựa chọn đúng 5 mô hình để xây dựng đó là mô hình thâm canh cây lúa, cây lạc, cây đậu tương, cây nhãn và gà thả vườn. Đồng thời đã chuyển giao công nghệ tiên tiến cho nông dân địa phương (đưa giống mới tiến bộ, kỹ thuật thâm canh tiên tiến...)

- Có sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ nhiệt tình của Bộ Khoa học công nghệ môi trường và UBND tỉnh Hà Tây.

- Có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác chỉ đạo giữa Sở Khoa học công nghệ môi trường với Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm khuyến nông tỉnh, UBND huyện Ba Vì và Đảng ủy, UBND xã Phú Sơn.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã nhiệt tình hăng hái, và sẵn sàng tiếp thu cái mới.

- Huy động được lực lượng cán bộ, chuyên gia giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất, có nhiệt tình, năng động, bám sát cơ sở, bám sát đồng ruộng để hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật.

- Công tác tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật được tổ chức thực hiện rất hiệu quả, quy trình kỹ thuật được hướng dẫn tỉ mỉ, chính xác và đúng lúc ngay tại đồng ruộng. Phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện từng khâu kỹ thuật của người nông dân.

- Dự án được người nông dân ủng hộ, nhiệt tình thực hiện các mục tiêu, nội dung dự án.

- Dự án được Bộ Khoa học Công nghệ môi trường hỗ trợ kinh phí để chuyển giao cho nông dân các loại giống tiến bộ kỹ thuật và một số vật tư cần thiết.

## KẾT LUẬN

Sau 2 năm thực hiện, được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, cùng với sự nỗ lực phấn đấu, tổ chức chỉ đạo của Ban điều hành dự án, Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn và sự nhiệt tình của các thành viên tham gia dự án, đến nay các mục tiêu của dự án đã hoàn thành, tạo tiền đề thuận lợi cho xã Phú Sơn tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất của địa phương trong những năm tiếp theo, góp phần tích cực, có hiệu quả vào việc phát triển kinh tế, xã hội của xã Phú Sơn, tạo điều kiện thuận lợi nhân rộng các mô hình của dự án ra các xã vùng đồi gò bán sơn địa của huyện Ba Vì và tỉnh Hà Tây.

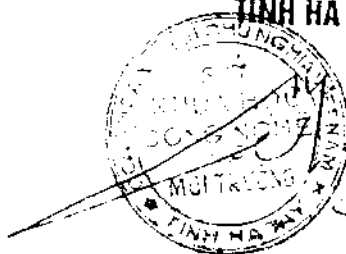
Sở Khoa học Công nghệ và môi trường tỉnh Hà Tây cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường, các cơ quan khoa học của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và các cơ quan đơn vị đã giúp đỡ để việc thực hiện dự án đạt kết quả tốt đẹp.

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**

*Kết thúc*

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG**

**TỈNH HÀ TÂY**



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Minh Nhật*